TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HS-ST
Ngày: 22-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Xuân Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi – Giám đốc trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình huyện Dầu Tiếng;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu – Giáo viên hưu trí thị trấn Dầu Tiếng.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Bá Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2017/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đoàn Thị Bạch Y, sinh năm 1987, tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Khu phố 9, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số 561, khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Đoàn Văn L, sinh năm 1943 (chết năm 2015) và bà Đỗ Thị R, sinh năm 1948; Chồng tên Lâm Văn V, sinh năm 1989; Bị cáo có 01 con sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; bị cáo có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Xuân T (tên gọi khác T1), sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4/ Ông Nguyễn Văn K (tên gọi khác T), sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

5/ Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

6/ Ông Lê Minh H, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

7/ Ông Nguyễn Văn S (tên gọi khác B); hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

6/ Ông Tô Tấn D, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10 năm 2016, Đoàn Thị Bạch Y mở quán cà phê "V" tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, để kinh doanh cà phê và nước giải khát. Đến ngày 19/12/2016, có một người nam tên U (không rõ nhân thân, lai lịch) đến quán cà phê "V" gặp Y và kêu Y cho U đặt máy trò chơi bắn cá tại quán của Y để đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với các con bạc dưới hình thức trò chơi bắn cá và U sẽ chia cho Y 30% trên tổng số lợi nhuận thu được từ việc đánh bạc trái phép, Y đồng ý. U và Y thỏa thuận, hàng ngày Y sẽ trực tiếp quản lý máy trò chơi bắn cá để đánh bạc trái phép với các con bạc và thu tiền đánh bạc cũng như tiền thắng bạc giao lại cho U. Nếu thua thì sẽ Y điện thoại cho U đến chung tiền. Sau đó, U đặt một máy trò chơi bắn cá gồm có 06 tay cầm (06 người chơi) tại quán cà phê "V" cho Y đánh bạc trái phép. Hình thức đánh bạc như sau: Máy chơi trò chơi bắn cá gồm có 06 tay cầm (tương đương với 06 người chơi). Con bạc sẽ mua điểm bằng tiền Việt Nam đồng, cứ 10.000 đồng sẽ mua được 1.000 điểm, sau khi con bạc yêu cầu số điểm muốn mua Y sẽ dùng chìa khóa mở máy trò chơi bắn cá và nhập số điểm con bạc yêu cầu để cho các con bạc chơi đánh bạc. Số điểm con bạc mua sẽ tăng hoặc giảm tùy thuộc vào việc con bạc điều khiển tay cầm bắn được nhiều loại cá (được lập trình sẵn trong máy bắn cá) và được cộng điểm tương ứng. Khi con bạc chơi hết điểm thì phải mua điểm chơi tiếp hoặc dừng chơi và thắng điểm thì đổi điểm thành tiền với Y cứ 1.000 điểm tương đương 10.000 đồng.

Khoảng 16 giờ ngày 22/12/2016, Tô Tấn D, sinh năm 1989; Nguyễn Văn K, sinh năm 1980; Lê Minh H, sinh năm 1984; Nguyễn Xuân T, sinh năm 1992 cùng thường trú tại ấp B, xã T, huyện D; Nguyễn Minh C, sinh năm 1990, thường trú tại ấp D, xã A, thị xã B; Nguyễn Văn S, sinh năm 1994, thường trú tại ấp L, xã A, thị xã B đến quán của Y để đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi trò chơi bắn cá với Y, Y sử dụng số tiền 500.000 đồng

để đánh bạc và thắng được 500.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Công an huyện D bắt quả tang, thu giữ:

- 01 máy bắn cá loại 6 tay thể hiện số điểm của từng tay: 15080, 30965, 217847, 32289, 24094, 11137; 01 xe mô tô biển số 61H1-33579; 01 xe mô tô biển số 61H1-13546; 01 xe mô tô biển số 61V2-2555; 01 xe mô tô biển số 61L6-9283; 01 xe mô tô biển số 61T2-8347; 01 xe mô tô loại cup 50-78 (không có biển số).

- Thu trên người các đối tượng: Đoàn Thị Bạch Y: tiền Việt Nam 654.000 đồng (trong đó có 500.000 đồng Y sử dụng đánh bạc); Nguyễn Văn S: 01 cái bóp da màu đen, 01 điện thoại di động; Tô Tấn D tiền Việt Nam 4.000 đồng, 01 điện thoại di động; Lê Minh H tiền Việt Nam 500.000 đồng, 01 điện thoại di động; Nguyễn Minh C 01 cái bóp màu nâu, 01 điện thoại di động; Nguyễn Xuân T 01 cái bóp da màu đen, 01 điện thoại di động; Nguyễn Văn K 01 điện thoại di động, tiền Việt Nam 1.500.000 đồng;

Kiểm tra xung quanh máy bắn cá phát hiện thu giữ: Tiền Việt Nam 28.637.000 đồng (trong đó có 22.750.000 đồng tiền tư vật của Đoàn Thị Ngọc Y và 500.000 đồng Y thắng bạc) 02 tờ giấy, 01 cuốn tập học sinh.

Quá trình điều tra, Tô Tấn D, Nguyễn Văn S, Lê Minh H, Nguyễn Minh C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn K khai nhận:

1. Tô Tấn D khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 22/12/2016, D điều khiển xe mô tô biển số 61H1-335-79 đến quán của Y và đem theo số tiền 4.000 đồng để đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi trò chơi bắn cá. Do quen biết với Y nên D mua điểm nạp vào máy bắn cá số tiền là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng) nhưng D chưa đưa tiền cho Y và Y ghi số tiền D nợ vào sổ để theo dõi. Mỗi lần chơi, D nạp vào máy là 20.000 điểm tương đương với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Khi bị bắt D thắng được số điểm thể hiện trên máy là 30.965 điểm tương đương 309.000 đồng (ba trăm lẻ chín ngàn đồng). Vậy số tiền D sử dụng để đánh bạc là 2.113.000 đồng.

2. Nguyễn Văn S khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 22/12/2016, S điều khiển xe mô tô biển số 61T2-8347 đến quán của Y để đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi trò chơi bắn cá. S không đem theo tiền mà mua điểm thiếu với Y, do quen biết nên S mua điểm nạp vào máy bắn cá 01 lần 20.000 điểm tương đương 200.000 đồng, Y ghi số tiền S nợ vào sổ. Quá trình tham gia S đã thắng Y được 700.000 đồng, S trừ 200.000 đồng tiền nợ nạp điểm và còn 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng), S yêu cầu Y rút điểm để quy ra tiền, nhưng Y chưa đưa tiền cho S mà ghi vào sổ để nhớ. Khi bị bắt S thắng trên máy số điểm là 15.080 điểm tương đương 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng). Như vậy, số tiền S sử dụng để đánh bạc là 1.050.000 đồng.

3. Lê Minh H khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 22/12/2016, H điều khiển xe cup 50-78, (không có biển số) đem theo số tiền 500.000 đồng đến quán của Y để đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi trò chơi bắn cá, mỗi

lần H nạp vào máy là 20.000 điểm với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) nhưng chưa trả tiền cho Y, quá trình tham gia H đã thua Y 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng), nhưng chưa đưa tiền cho Y và Y ghi vào sổ để nhớ. Khi bị bắt H thắng trên máy số điểm là 217.847 điểm tương đương 2.178.000 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi tám ngàn đồng). Vậy số tiền H sử dụng để đánh bạc là 2.678.000 đồng.

4. Nguyễn Minh C khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 22/12/2016, C đi nhờ xe của bạn (không rõ nhân thân, lai lịch) đem theo số tiền 3.000.000 đồng đến quán của Y để đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi trò chơi bắn cá, mỗi lần C nạp vào máy từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng nhưng chưa trả tiền cho Y. Trong quá trình đánh bạc C không thắng, không thua. Khi bị bắt C thắng trên máy số điểm là 32.289 điểm tương đương 322.000 đồng (ba trăm hai mươi hai hai ngàn đồng). Số tiền 3.000.000 đồng C ném dưới nền nhà. Vậy số tiền C sử dụng để đánh bạc là 3.322.000 đồng.

5. Nguyễn Xuân T khai nhận: Khoảng 14 giờ 35 phút ngày 22/12/2016, T điều khiển xe mô tô biển số 61H1-135.46 đến quán của Y và đem theo số tiền 600.000 đồng, để đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức trò chơi bắn cá. Mỗi lần T nạp vào máy là 20.000 điểm tương đương với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). T chơi và thua hết 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng), T đã trả cho Y hết 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) và còn nợ Y 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), Y ghi vào sổ nợ. Khi bị bắt T thắng trên máy số điểm là 24.094 điểm tương đương 240.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ngàn đồng). Vậy số tiền T sử dụng để đánh bạc là 840.000 đồng.

6. Nguyễn Văn K khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 22/12/2016, K điều khiển xe mô tô biển số 61V2-2555, đem theo số tiền 4.700.000 đồng đến quán cà phê của Y. Tại đây, K sử dụng 1.700.000 để đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi trò chơi bắn cá, mỗi lần K nạp vào máy là 20.000 điểm với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). K chơi và thua Y hết 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng), K đã đưa cho Y 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) còn nợ Y 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), Y ghi vào sổ. Khi bị bắt K thắng trên máy số điểm là 11.137 điểm tương đương 111.000 đồng (Một trăm mười một ngàn đồng). Vậy số tiền K sử dụng để đánh bạc là 1.811.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đoàn Thị Bạch Y về tội "Đánh bạc" theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Thị Bạch Y từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

* Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án tuyên:

Đối với 01 máy bắn cá và 01 chìa khoá thu giữ của Đoàn Thị Ngọc Y. Xác định đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô cup 50-78 (không có biển số), không có số khung, số máy, không có Giấy chứng nhận đăng ký xe tuyên giao cho Ủy ban nhân dân huyện D để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với xe mô tô biển số 61L6-9283, 01 điện thoại di động là của Đoàn Thị Bạch Y, Y không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả cho Y.

Đối với xe mô tô biển số 61V2-2555, 01 điện thoại di động là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn K, K không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả cho K.

Đối với xe mô tô biển số 61H1-335.79, 01 điện thoại di động là tài sản hợp pháp của Tô Tấn D, D không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả cho D.

Đối với xe mô tô biển số 61H1-135.46 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Xuân B, sinh năm 1993, thường trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ngày 22/12/2016, Nguyễn Xuân T lấy xe đi, B không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả cho B.

Đối với xe mô tô biển số 61T2-8347 do Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu. T bán xe cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972, thường trú tại ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 22/12/2016, Nguyễn Văn S mượn xe của bà L, bà L không biết S đi đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả cho bà L.

Đối với 01 cái bóp da màu đen và 01 điện thoại di động là của Nguyễn Văn S, S không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả cho S.

Đối với 01 điện thoại di động của Lê Minh H, H không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả cho H.

Đối với 01 điện thoại di động, 01 bóp da màu đen của Nguyễn Xuân T, T không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả cho T.

Đối với 01 điện thoại di động, 01 bóp da màu nâu của Nguyễn Minh C, C không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả cho C.

Đối với số tiền 2.658.000 đồng (Đoàn Thị Bạch Y 654.000 đồng, Lê Minh H 500.000 đồng, Tô Tấn D 4.000 đồng, Nguyễn Văn K 1.500.000 đồng) mà bị cáo và C, H, D, K dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện D đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 7.315.000 đồng mà bị cáo và Tô Tấn D, Nguyễn Xuân T, Lê Minh H, Nguyễn Văn K tự nguyện nộp do phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện D đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 28.637.000 đồng là số tiền kiểm tra xung quanh khi bắt quả tang phạm trong đó đề nghị tịch thu số tiền 5.733.000 đồng, số tiền 22.904.000 đồng thu giữ Đoàn Thị Bạch Y không dùng vào việc phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện D đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đề nghị trả cho bị cáo Y.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì khác, đồng ý đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương theo Cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 01/09/2017.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, bị cáo đã biết lỗi của mình nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng tháng 10 năm 2016, Đoàn Thị Bạch Y mở quán cà phê "V" tại Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, để kinh doanh cà phê và nước giải khát. Đến ngày 19/12/2016, có một người nam tên U (không rõ nhân thân, lai lịch) đến quán cà phê "V" gặp Y và kêu Y cho U đặt máy trò chơi bắn cá tại quán của Y để đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với các con bạc dưới hình thức trò chơi bắn cá và U sẽ chia cho Y 30% trên tổng số lợi nhuận thu được từ việc đánh bạc trái phép, Y đồng ý. U và Y thỏa thuận, hàng ngày Y sẽ trực tiếp quản lý máy trò chơi bắn cá để đánh bạc trái phép với các con bạc và thu tiền đánh bạc cũng như tiền thắng bạc giao lại cho U. Nếu thua thì sẽ Y điện thoại cho U đến chung tiền. Sau đó, U đặt một máy trò chơi bắn cá gồm có 06 tay cầm (06 người chơi) tại quán cà phê "V" cho Y đánh bạc trái phép. Hình thức đánh bạc như sau: Máy chơi trò chơi bắn cá gồm có 06 tay cầm (tương

đương với 06 người chơi). Con bạc sẽ mua điểm bằng tiền Việt Nam đồng, cứ 10.000 đồng sẽ mua được 1.000 điểm, sau khi con bạc yêu cầu số điểm muốn mua Y sẽ dùng chìa khóa mở máy trò chơi bắn cá và nhập số điểm con bạc yêu cầu để cho các con bạc chơi đánh bạc. Số điểm con bạc mua sẽ tăng hoặc giảm tùy thuộc vào việc con bạc điều khiển tay cầm bắn được nhiều loại cá (được lập trình sẵn trong máy bắn cá) và được cộng điểm tương ứng. Khi con bạc chơi hết điểm thì phải mua điểm chơi tiếp hoặc dừng chơi và thắng điểm thì đổi điểm thành tiền với Y cứ 1.000 điểm tương đương 10.000 đồng.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì "*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm."* và theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ – HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì "*Đánh bạc trái phép" là hành vi đánh bạc được thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào với mục đích được thua bằng tiền hay hiện vật mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nhưng thực hiện không đúng với quy định trong giấy phép được cấp*". Mặt khác tại thời điểm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội "Đánh bạc", pháp luật nhà nước có sự thay đổi theo hướng tăng mức định lượng về số tiền truy trách nhiệm hình sự từ 2.000.000 đồng lên đến 5.000.000 đồng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy, hành vi của bị cáo trên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Tình trạng đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới nhiều hình thức là một tệ nạn của xã hội ngày càng tăng và diễn biến phức tạp. Hành vi đánh bạc của bị cáo Y đã làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý xã hội và tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đây cũng là nguyên nhân kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được Nhà nước nghiêm cấm việc tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo đã bất chấp pháp luật để phạm tội. Trong vụ án này, bản thân tổ chức để đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với các con bạc dưới hình thức trò chơi bắn cá và được hưởng 30% trên tổng số lợi nhuận thu được từ việc đánh bạc trái phép. Vì vậy, bị cáo trên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện.

[4] Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội

của mình. Ngoài ra, bị cáo Y nhân thân chưa có tiền án, tiền sự gì đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm h, b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, việc không bắt bị cáo đi chấp hành án phạt tù không làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội và cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử cho bị cáo được miễn chấp hành án phạt tù có điều kiện dưới sự giám sát, theo dõi của chính quyền địa phương nơi cư trú quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[5] Xét, ý kiến luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật truy tố là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo Y từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng là chưa phù hợp, bởi lẽ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do sự xúi giục của kẻ khác và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt so với đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Minh C, Lê Minh H, Nguyễn Văn S, Tô Tấn D tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc được quy định tại điều 248 Bộ luật hình sự nên Công an huyện D đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 máy bắn cá và 01 chìa khoá thu giữ của Đoàn Thị Ngọc Y, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy

- Đối với xe mô tô cup 50-78, không có số khung, số máy nên giao cho Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương để xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với xe mô tô biển số 61L6-9283, 01 điện thoại di động là của Đoàn Thị Bạch Y, Y không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả cho Y.

- Đối với xe mô tô biển số 61V2-2555, 01 điện thoại di động là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn K, K không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả cho K.

- Đối với xe mô tô biển số 61H1-335.79, 01 điện thoại di động là tài sản hợp pháp của Tô Tấn D, D không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả cho D.

- Đối với xe mô tô biển số 61H1-135.46 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Xuân B, sinh năm 1993, thường trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ngày 22/12/2016, Nguyễn Xuân T lấy xe đi, B không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả cho B.

- Đối với xe mô tô biển số 61T2-8347 do Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu. T bán xe cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972, thường trú tại ấp L, xã A,

thị xã B, tỉnh Bình Dương nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 22/12/2016, Nguyễn Văn S mượn xe của bà L, bà L không biết S đi đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả cho bà L.

- Đối với 01 cái bóp da màu đen và 01 điện thoại di động là của Nguyễn Văn S, S không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả cho S.

- Đối với 01 điện thoại di động của Lê Minh H, H không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả cho H.

- Đối với 01 điện thoại di động, 01 bóp da màu đen của Nguyễn Xuân T, T không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả cho T.

- Đối với 01 điện thoại di động, 01 bóp da màu nâu của Nguyễn Minh C, C không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả cho C.

Đối với số tiền 2.658.000 đồng (Đoàn Thị Bạch Y 654.000 đồng, Lê Minh H 500.000 đồng, Tô Tấn D 4.000 đồng, Nguyễn Văn K 1.500.000 đồng) mà bị cáo và C, H, D, K dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện D đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện D nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 7.315.000 đồng mà bị cáo và Tô Tấn D, Nguyễn Xuân T, Lê Minh H, Nguyễn Văn K, Đoàn Thị Bạch Y tự nguyện nộp do phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Dầu Tiếng đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện D nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 28.637.000 đồng là số tiền kiểm tra xung quanh khi bắt quả tang phạm trong đó đề nghị tịch thu số tiền 5.733.000 đồng còn số tiền 22.904.000 đồng thu giữ Đoàn Thị Bạch Y không dùng vào việc phạm tội nên trả cho bị cáo Y.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Bạch Y phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm b, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Bạch Y 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 02 (hai) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 22/9/2017).

Giao bị cáo Đoàn Thị Bạch Y về Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1, Khoản 2 Điều 41, Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b, c, đ Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: số tiền 15.706.000 đồng (mười lăm triệu, bảy trăm lẽ sáu ngàn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 máy bắn cá lợi 06 tay (06 sáu người chơi) và 01 chìa khóa máy game cá màu đỏ.

- Giao cho Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xử lý theo thẩm quyền: 01 xe mô tô cup 50-78 màu xanh, không có số khung, số máy.

- Trả cho bị cáo Đoàn Thị Bạch Y số tiền 22.904.000 đồng (hai mươi hai triệu, chín trăm lẽ bốn ngàn đồng).

(Vật chứng trên thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/9/2017 và biên lai thu tiền số AA/2013/02268 ngày 28/8/2017, biên lai thu tiền số AA/2013/02269 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương).

3. Án phí: Áp dụng Khoản 1, Khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đoàn Thị Bạch Y nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2017).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND H. D;
- Công an H. D;
- CC THA DS H. D;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Nam